

Kinh nghiệm quốc tế và định hướng nâng cao hiệu quả quản lý di sản kiến trúc tại các điểm du lịch tỉnh Quảng Ninh

Lương Vũ Đàm Ninh^{1*}

¹Trung tâm Quy hoạch Xây dựng 2, Viện Quy hoạch Đô thị và nông thôn Quốc gia

TỪ KHOÁ

Di sản kiến trúc
Điểm du lịch văn hóa
Quản lý di sản
Học tập quốc tế
Quảng Ninh

TÓM TẮT

Quảng Ninh là địa phương “giàu có” về di sản văn hóa (DSVH), những di sản này đã và đang được khai thác có hiệu quả phục vụ cho phát triển kinh tế đại phương và xây dựng thương hiệu du lịch cho Tỉnh. Công tác quản lý di sản văn hóa trong đó có các di sản kiến trúc có vai trò rất quan trọng. Đề xuất được các biện pháp quản lý mang tính khoa học, thực tiễn, sao cho vừa bảo tồn được di sản, vừa khai thác được các giá trị của chúng phục vụ kinh tế, đời sống nhân dân địa phương, cần nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm quản lý DSVH tại các điểm du lịch trên thế giới để rút ra bài học và giải pháp thiết thực nhằm định hướng xây dựng chiến lược, chính sách, công cụ và phương pháp quản lý hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh. Bài viết trình bày một số nghiên cứu về các phương pháp, nội dung quản lý của ba nước Châu Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và ba nước Châu Âu là Pháp, Ý và Hy Lạp. Các nghiên cứu đối với sáu quốc gia nêu trên sẽ giúp chúng ta học hỏi và áp dụng nhiều bài học có giá trị trong xây dựng các chính sách, công cụ quản lý DSVH tại các điểm du lịch tỉnh Quảng Ninh.

KEYWORDS

Architectural heritage
Cultural tourism sites
Heritage management
International lessons
Quang Ninh

ABSTRACT

Quang Ninh is a province “rich” in cultural heritage, which has been effectively exploited to contribute to local economic development and build the province’s tourism brand. The management of cultural heritage, especially architectural heritage, plays an essential role. In order to propose scientific and practical management measures that both preserve heritage and exploit its values for the economy and local communities, it is necessary to study and analyze international experiences. This article introduces research on the management approaches of three Asian countries—China, Japan, and India—and three European countries—France, Italy, and Greece. The findings from these six cases provide useful lessons and solutions to guide the formulation of strategies, policies, tools, and methods for effective heritage management in Quang Ninh.

1. Giới thiệu

Quảng Ninh là địa phương “giàu có” về di sản văn hóa, những di sản này đã và đang được khai thác có hiệu quả phục vụ cho phát triển kinh tế đại phương và xây dựng thương hiệu du lịch cho Tỉnh. Theo thống kê đến tháng 12 năm 2023 từ Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Quảng Ninh, toàn Tỉnh có tới 632 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; trong đó có 5 khu di tích quốc gia đặc biệt, 54 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 85 di tích xếp hạng cấp tỉnh và 488 di tích kiểm kê, phân loại.

Song song với bảo tồn, khai thác các di sản văn hóa (DSVH), trong đó có di sản kiến trúc (DSKT) là hoạt động trực tiếp để phát huy các giá trị của các di sản, đóng góp cho phát triển kinh tế và phổ biến các giá trị của di sản đến cộng đồng. Công tác quản lý các DSKT tại các điểm du lịch nói chung, tại tỉnh Quảng Ninh nói riêng rất phức tạp. Đề xuất các biện pháp quản lý mang tính khoa học thực tiễn, sao cho

vừa bảo tồn được di sản, vừa khai thác được các giá trị của chúng phục vụ kinh tế, đời sống nhân dân địa phương là việc làm không đơn giản.

Phân tích kinh nghiệm quản lý DSVH tại các điểm du lịch trên thế giới để rút ra bài học và giải pháp thiết thực nhằm định hướng xây dựng chiến lược, chính sách, công cụ và phương pháp quản lý hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh trong việc bảo tồn và phát huy giá trị DSKT gắn với phát triển DL bền vững là việc làm rất cần thiết.

2. Quản lý di sản văn hóa tại khu vực châu Á

Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ là ba quốc gia có nhiều di sản văn hóa và việc quản lý, phát huy giá trị của các DSVH khá hiệu quả. Vì vậy, ba quốc gia này được chọn nghiên cứu để rút ra các bài học cho Quảng Ninh.

*Liên hệ tác giả: ninhluong62@gmail.com

Nhận ngày 15/04/2025, sửa xong ngày 08/08/2025, chấp nhận đăng ngày 17/07/2025

Link DOI: <https://doi.org/10.54772/jomc.04.2025.919>

2.1. Vài nét tổng quát về quản lý di sản văn hóa ở Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ

Di sản văn hóa không chỉ là tài sản quý báu phản ánh lịch sử, văn hóa và bản sắc của mỗi quốc gia mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, đặc biệt là thông qua du lịch. Tuy nhiên, việc quản lý và bảo tồn DSVH đang đối mặt với nhiều thách thức như: sự xuống cấp, tác động từ du lịch quá tải, và biến đổi môi trường, khí hậu. Các quốc gia trên thế giới đã phát triển những chiến lược quản lý khác nhau để vừa bảo vệ giá trị di sản, vừa thúc đẩy phát triển bền vững.

Nhật Bản nổi bật với chiến lược quản lý bảo tồn DSVH gắn liền với phát triển bền vững. Quốc gia này chú trọng đến việc tích hợp giá trị văn hóa vào quá trình phát triển, nhằm tạo sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch. Tại khu phố cổ Gion ở Kyoto, chính quyền áp dụng các biện pháp hạn chế du khách vào những khu vực bảo tồn nhằm giảm tác động tiêu cực đến di sản. Đồng thời, Nhật Bản phát triển các chương trình giáo dục và trải nghiệm văn hóa truyền thống như trà đạo hay lễ hội địa phương, giúp du khách hiểu rõ hơn về giá trị di sản. Quy hoạch đô thị mới có di sản cũng được quản lý nghiêm ngặt để duy trì không gian văn hóa và kiến trúc truyền thống, góp phần bảo vệ di sản một cách bền vững.

Trung Quốc triển khai chiến lược bảo vệ DSVH lâu dài bằng cách ứng dụng công nghệ hiện đại và kiểm soát du lịch. Việc số hóa các di tích lớn như Vạn Lý Trường Thành cho phép lưu trữ thông tin chi tiết về di sản, đồng thời sử dụng dữ liệu lớn để quản lý lượng du khách. Ở Vạn Lý Trường Thành, mỗi du khách cần có không gian từ 1 đến 1,1 mét vuông, điểm du lịch Bát Đạt Lĩnh chỉ tiếp nhận tối đa là 65.000 người/ngày, Ban quản lý Trường Thành Bát Đạt Lĩnh đã thiết lập hệ thống cảnh báo lượng du khách ba cấp độ, hệ thống sẽ chuyển màu vàng khi đạt 39.000 lượt khách, màu cam khi đạt 52.000 lượt và cảnh báo màu đỏ khi đón đủ 65.000 lượt. Điều này giúp ngăn chặn tình trạng quá tải và giảm thiểu hư hại cho các di tích. Bên cạnh đó, Trung Quốc đẩy mạnh việc sử dụng các nền tảng công nghệ để quảng bá và giáo dục công chúng về ý nghĩa của di sản văn hóa, tạo sự cân bằng giữa bảo tồn và khai thác du lịch.

Ấn Độ nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong việc quản lý và bảo tồn DSVH, kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái và cộng đồng. Taj Mahal là nơi các biện pháp bảo tồn nghiêm ngặt được áp dụng nhằm giữ gìn tính nguyên bản của công trình, đồng thời kiểm soát số lượng du khách để bảo vệ môi trường xung quanh. Hơn nữa, Ấn Độ thúc đẩy du lịch sinh thái và cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động bảo tồn và phát triển du lịch. Điều này không chỉ giúp giữ gìn bản sắc dân tộc mà còn mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng.

Ba quốc gia này đã xây dựng các chiến lược quản lý DSVH với những cách tiếp cận khác nhau, nhưng đều hướng tới mục tiêu bảo tồn giá trị di sản, phát triển bền vững, và thúc đẩy nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc gìn giữ di sản văn hóa.

2.2. Một số nội dung tiêu biểu

a) Chính sách quản lý chung

Bên cạnh các chiến lược quản lý, chính sách cụ thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhật Bản, Trung Quốc, và Ấn Độ đã triển khai những chính sách độc đáo và hiệu quả để quản lý các di sản này trong bối cảnh phát triển du lịch và bảo tồn bền vững.

Nhật Bản áp dụng chính sách hạn chế số lượng du khách tại các điểm di tích nhằm giảm áp lực lên cơ sở hạ tầng và bảo vệ giá trị di sản. Tại Đền Kinkaku-ji (Chùa Vàng) ở Kyoto, chính quyền địa phương giới hạn số lượng khách tham quan mỗi ngày thông qua việc quản lý vé vào cửa và kiểm soát thời gian lưu lại. Bên cạnh đó, Nhật Bản đẩy mạnh giáo dục cộng đồng và du khách thông qua các chương trình trải nghiệm văn hóa, giúp mọi người hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản.

Trung Quốc triển khai các chính sách quản lý du lịch dựa trên công nghệ để kiểm soát lượng du khách và giảm thiểu tác động tiêu cực đến di tích. Hệ thống đặt vé trực tuyến và ứng dụng di động tại các điểm di tích nổi tiếng như Cố Cung (Tử Cấm Thành) và Vạn Lý Trường Thành không chỉ giúp giới hạn số lượng du khách mỗi ngày mà còn cải thiện trải nghiệm tham quan. Điều này đảm bảo rằng các DSVH được bảo vệ khỏi hư hại do quá tải, đồng thời tối ưu hóa công tác quản lý.

Ấn Độ tập trung vào chính sách bảo tồn di sản thông qua các dự án bảo vệ kết hợp phát triển du lịch bền vững và bảo vệ môi trường. Dự án "Clean Taj" là một ví dụ tiêu biểu, trong đó chính phủ Ấn Độ đã triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, kiểm soát du khách và bảo vệ môi trường xung quanh Taj Mahal. Những nỗ lực này không chỉ giữ gìn vẻ đẹp của di tích mà còn đảm bảo rằng các tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch được kiểm soát hiệu quả.

Các chính sách này cho thấy sự cam kết của các quốc gia trong việc bảo tồn DSVH, đồng thời tạo điều kiện để khai thác giá trị di sản một cách bền vững, góp phần vào sự phát triển kinh tế và văn hóa.

b) Kết hợp hài hòa giữa quản lý DSVH vật thể và phi vật thể

Quản lý DSVH không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn các di sản vật thể mà còn bao gồm cả di sản phi vật thể, những giá trị văn hóa gắn liền với cộng đồng và lịch sử. Nhật Bản, Trung Quốc, và Ấn Độ là những quốc gia đã xây dựng nội dung quản lý đa dạng, kết hợp cả hai loại hình di sản để bảo vệ giá trị toàn diện.

Tại Nhật Bản, nội dung quản lý tập trung vào cả di sản vật thể như các công trình kiến trúc, đền chùa và di sản phi vật thể như lễ hội, truyền thống văn hóa. Lễ hội Awa Odori tại Tokushima là một ví dụ điển hình, nơi chính quyền không chỉ quản lý lễ hội mà còn bảo tồn không gian văn hóa truyền thống đi kèm, như các ngôi làng cổ và không khí cộng đồng đặc trưng. Sự kết hợp này không chỉ giữ gìn được bản sắc văn hóa mà còn tạo điểm nhấn thu hút du khách, đồng thời nâng cao nhận thức về giá trị của di sản.

Trung Quốc cũng có cách tiếp cận tương tự, quản lý cả di sản vật thể như Vạn Lý Trường Thành và di sản phi vật thể như các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Các lễ hội đèn lồng và các màn biểu diễn văn hóa được tổ chức thường xuyên tại những di tích nổi tiếng

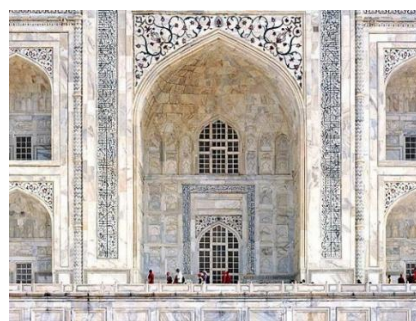
như Cố Cung Tử Cấm Thành, vừa tôn vinh di sản phi vật thể vừa thúc đẩy giá trị văn hóa của các công trình vật thể. Điều này tạo nên sự giao thoa giữa các loại hình di sản, làm nổi bật bản sắc và truyền thống Trung Hoa.



Hình 1. Khu phố cổ Gion ở Kyoto.



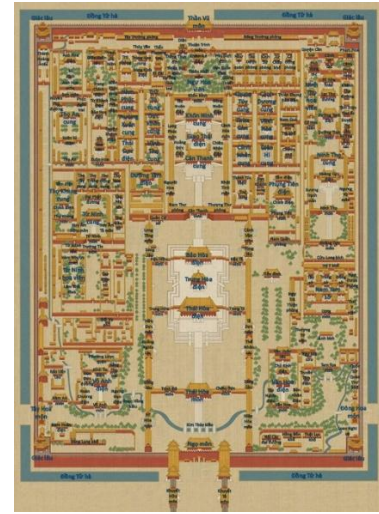
Hình 2. Lượng khách du lịch tại Vạn Lý Trường Thành.



Hình 3. Đền Taj Mahal (Ấn Độ).



Hình 4. Đền Kinkaku-ji ở Kyoto.



Hình 5. Tử Cấm Thành hay còn được gọi là Cố Cung ở Bắc Kinh.



Hình 6. Lễ hội múa Awa Odori Matsuri của tỉnh Tokushima.



Hình 7. Lễ hội đèn lồng được tổ chức tại Tử Cấm Thành.

Ấn Độ chú trọng vào quản lý di sản vật thể nổi bật như Taj Mahal, các đền thờ, cùng với di sản phi vật thể như các lễ hội và nghệ thuật

truyền thống. Xung quanh Taj Mahal, các lễ hội văn hóa lớn như Diwali không chỉ thu hút du khách mà còn mang lại cơ hội tôn vinh và bảo vệ những giá trị văn hóa phi vật thể. Các hoạt động này được tổ chức song song với việc bảo tồn di sản vật thể, đảm bảo rằng cả hai loại hình di sản đều được bảo vệ và phát huy giá trị.



Hình 8. Lễ hội ánh sáng Diwali được tổ chức tại Ấn Độ.

c) Một số công cụ quản lý

Các quốc gia được nghiên cứu đã áp dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau để hỗ trợ việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ đã sử dụng nhiều công cụ tiên bộ về công nghệ, hệ thống kiểm soát và các chương trình tài trợ để quản lý di sản hiệu quả, đồng thời cân bằng giữa bảo tồn và phát triển du lịch.

Nhật Bản là quốc gia sử dụng các công cụ quản lý hiện đại như hệ thống kiểm soát khách du lịch và các chương trình bảo tồn được tài trợ bởi chính phủ cũng như các tổ chức phi chính phủ. Tại các di tích nổi tiếng, du khách phải sử dụng thẻ du lịch thông minh để kiểm soát lượng người tham quan, đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép. Ngoài ra, các chương trình bảo tồn được thiết kế với sự tài trợ từ các quỹ công và tổ chức độc lập, giúp duy trì giá trị của di sản trong dài hạn.

Trung Quốc tập trung vào việc sử dụng công nghệ số hóa di tích và các ứng dụng kiểm soát du khách. Các hệ thống đặt vé trực tuyến tại các di tích lớn như Tử Cấm Thành không chỉ giúp kiểm soát số lượng du khách mà còn tối ưu hóa trải nghiệm tham quan, các ứng dụng di động cung cấp thông tin lịch trình tham quan, quản lý thời gian và đặt vé, giúp giảm thiểu sự tắc nghẽn và đảm bảo rằng các di tích được bảo vệ khỏi sự quá tải.

Ấn Độ áp dụng các công cụ quản lý du lịch kết hợp với các quy định bảo tồn để bảo vệ các di tích văn hóa. Tại Taj Mahal, hệ thống quản lý du lịch giới hạn thời gian tham quan của du khách chỉ trong 3 giờ, giúp giảm áp lực lên di tích. Đồng thời, các quy định nghiêm ngặt về bảo tồn được thực hiện nhằm đảm bảo rằng không có tác động tiêu cực từ du lịch đến giá trị di sản. Những biện pháp này không chỉ bảo vệ di tích mà còn cải thiện trải nghiệm du lịch bền vững.

Những công cụ quản lý này cho thấy sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và các chính sách quản lý truyền thống là yếu tố then chốt để bảo tồn di sản văn hóa. Đồng thời, việc kiểm soát hiệu quả du khách thông qua các công cụ kỹ thuật và quản lý giúp đảm bảo rằng các di sản được bảo vệ trong khi vẫn đáp ứng nhu cầu tham quan ngày càng tăng.

d) Phương pháp quản lý

Phương pháp quản lý DSVH của các quốc gia thường linh hoạt, kết hợp các mô hình quản lý, công nghệ và sự tham gia của cộng đồng. Nhật Bản, Trung Quốc, và Ấn Độ đã áp dụng các phương pháp quản lý sáng tạo, đáp ứng yêu cầu bảo tồn và phát triển bền vững trong bối cảnh hiện đại.

Nhật Bản nổi bật với về kết hợp giữa quản lý nhà nước và sự tham gia của cộng đồng. Chính quyền không chỉ đóng vai trò điều phối mà còn khuyến khích người dân địa phương tham gia bảo vệ di sản. Chương trình "Cộng đồng và di sản" tại Kyoto là một ví dụ tiêu biểu, nơi cộng đồng địa phương được trao quyền tham gia vào việc quản lý và bảo tồn các di tích. Sự phối hợp này không chỉ đảm bảo giá trị văn hóa được gìn giữ mà còn tạo sự gắn kết giữa người dân và di sản, giúp phát triển du lịch bền vững.

Trung Quốc áp dụng phương pháp quản lý dựa trên công nghệ cao để bảo tồn di sản và kiểm soát du lịch. Việc sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR) tại các di tích lớn như Đại Minh Cung và Vạn Lý Trường Thành đã mở ra những trải nghiệm tham quan trực tuyến hấp dẫn, giúp giảm áp lực lên các di tích do lượng khách thực tế quá đông. Phương pháp này không chỉ bảo vệ di tích vật thể mà còn mang lại trải nghiệm độc đáo, nâng cao nhận thức của du khách về giá trị di sản.

Ấn Độ phát triển du lịch có trách nhiệm bằng việc kết hợp phát triển du lịch cộng đồng với các dự án bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Các chương trình du lịch cộng đồng tại Kerala là một minh chứng điển hình, nơi người dân địa phương trực tiếp tham gia vào việc bảo vệ DSVH và môi trường tự nhiên. Những hoạt động này không chỉ nâng cao đời sống kinh tế của cộng đồng mà còn thúc đẩy nhận thức và trách nhiệm của người dân đối với di sản.

Những phương pháp quản lý này cho thấy rằng việc kết hợp công nghệ, cộng đồng và quản lý nhà nước là yếu tố quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đồng thời, chúng tạo ra sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, góp phần xây dựng một mô hình quản lý di sản bền vững.

e) Mô hình quản lý

Mô hình quản lý DSVH của các quốc gia phản ánh sự đa dạng và linh hoạt trong việc kết hợp giữa bảo tồn, phát triển du lịch bền vững và sự tham gia của cộng đồng. Mỗi quốc gia đều có phát triển những mô hình riêng để vừa bảo vệ di sản vừa khai thác giá trị kinh tế từ các tài sản văn hóa.

Nhật Bản đã triển khai mô hình bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương. Khu phố cổ Gion ở Kyoto là một ví dụ tiêu biểu, nơi các giá trị văn hóa được bảo tồn nghiêm ngặt trong khi các hoạt động du lịch bền vững được thúc đẩy. Cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý, tổ chức các hoạt động văn hóa và giám sát quá trình bảo tồn, tạo sự cân bằng giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế.

Trung Quốc sử dụng mô hình quản lý DSVH dựa trên công nghệ số hóa và các biện pháp kiểm soát du lịch mạnh mẽ. Vạn Lý Trường Thành là một minh chứng rõ nét, nơi hệ thống đặt vé trực tuyến và các ứng dụng di động được áp dụng để kiểm soát lượng du khách, đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép. Các công nghệ này không chỉ giúp bảo vệ di sản mà còn tối ưu hóa trải nghiệm tham quan, đồng thời giảm áp lực lên các cơ sở hạ tầng liên quan đến di tích.

Ấn Độ tập trung vào mô hình kết hợp quản lý DSVH với du lịch cộng đồng và bảo vệ môi trường. Tại Kerala, mô hình du lịch sinh thái đã cho phép cộng đồng địa phương tham gia vào công tác bảo vệ rừng và các khu di sản tự nhiên, đồng thời hưởng lợi kinh tế từ các hoạt động du lịch. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ nâng cao nhận thức về bảo tồn mà còn đảm bảo rằng các di sản văn hóa và tự nhiên được quản lý một cách bền vững.



Hình 9. Du lịch cộng đồng tại Kerala.



Hình 10. Khu phố cổ Gion ở Kyoto.



Hình 11. Du lịch sinh thái tại Kerala.

Những mô hình này cho thấy sự cần thiết của việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, công nghệ hiện đại, và sự tham gia của cộng đồng để tạo nên các giải pháp quản lý di sản hiệu quả, vừa bảo vệ giá trị di sản, vừa thúc đẩy phát triển bền vững trong dài hạn.

f) Bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý DSVH đóng vai trò trung tâm trong việc thiết lập, triển khai và giám sát các chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhật Bản, Trung Quốc, và Ấn Độ đã xây dựng những bộ máy quản lý chuyên trách với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế, và cộng đồng địa phương.

Tại Nhật Bản, bộ máy quản lý DSVH được điều hành bởi Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản, với nhiệm vụ xây dựng chính sách và giám sát các hoạt động bảo tồn, phối hợp với các tổ chức bảo tồn quốc tế và địa phương. Cơ quan này hợp tác với UNESCO để bảo vệ các DSVH quan trọng như Chùa Kinkaku-ji (Chùa Vàng) ở Kyoto, công trình được công nhận là di sản thế giới năm

1994. Di sản kiến trúc này là nơi các nỗ lực bảo tồn được thực hiện với sự hỗ trợ từ cả tổ chức quốc tế và các sáng kiến địa phương. Ngoài ra, các tổ chức phi chính phủ tại Nhật Bản cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tài chính và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn di sản.

Tại Trung Quốc, hệ thống quản lý DSVH được dẫn dắt bởi Cục DSVH Quốc gia, chịu trách nhiệm thiết lập tiêu chuẩn bảo tồn và phối hợp với các tổ chức quốc tế. Cơ quan này áp dụng công nghệ tiên tiến để giám sát việc bảo tồn và phát triển các di tích lớn như Tử Cấm Thành và Cố Cung.

Tại Ấn Độ, Bộ Văn hóa và Cục Di sản Quốc gia đảm nhiệm vai trò chính trong việc bảo vệ và quản lý DSVH. Bộ Văn hóa xây dựng các chính sách lớn, trong khi Cục Di sản Quốc gia chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ và quản lý các di tích như Taj Mahal, hay các di tích tại Ajanta và Ellora, nơi các dự án bảo tồn được triển khai với sự giám sát chặt chẽ từ chính phủ và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

Những bộ máy quản lý này không chỉ phản ánh cách tiếp cận đặc thù của mỗi quốc gia mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phối

hợp giữa các cơ quan quản lý, tổ chức quốc tế, và cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Hệ thống quản lý chặt chẽ, linh hoạt và tích hợp công nghệ là yếu tố then chốt để đảm bảo di sản được bảo vệ một cách bền vững.

3. Quản lý di sản văn hóa tại một số nước châu Âu

3.1. Chiến lược quản lý tổng thể

Khác với các quốc gia Châu Á, các quốc gia Châu Âu như Ý, Pháp và Hy Lạp có cách tiếp cận đặc trưng dựa trên lịch sử lâu đời và sự kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch. Những chiến lược này không chỉ chú trọng vào việc bảo tồn các giá trị vật thể mà còn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể thông qua hợp tác quốc tế, giáo dục cộng đồng và các sáng kiến bền vững. Vì vậy, ba quốc gia này được chọn nghiên cứu để rút ra các bài học cho Quảng Ninh.

Ý áp dụng chiến lược bảo vệ di sản thông qua sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng. Điều này không chỉ giúp bảo vệ di sản mà còn thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Việc quản lý Colosseum và các di tích tại Rome được thực hiện thông qua các chương trình bảo tồn với sự tham gia của cộng đồng địa phương và các tổ chức quốc tế. Dự án trùng tu Đấu trường La Mã (Colosseum) nhận được kinh phí tài trợ 25 triệu euro từ Tập đoàn Tod's Group. Chính phủ Ý thiết lập lộ trình bảo tồn di tích này đi kèm với chính sách kiểm soát lưu lượng du khách và nâng cao chất lượng hạ tầng du lịch di sản. Những nỗ lực này bao gồm cả việc hạn chế tác động của du lịch đại trà và tăng cường giáo dục du khách về giá trị văn hóa của các di tích.



Hình 12. Đấu trường La Mã trong quá trình được trùng tu.

Pháp tập trung vào chiến lược bảo vệ di sản thông qua giáo dục cộng đồng và du khách, đồng thời phát triển các hình thức du lịch bền vững. Nhà thờ Notre-Dame ở Paris là một ví dụ nổi bật, nơi các chiến dịch kêu gọi quyên góp đã thu hút sự tham gia rộng rãi của cộng đồng và các tổ chức quốc tế sau trận hỏa hoạn năm 2019. Chiến dịch quốc tế “Rebuild Notre-Dame de Paris” đã huy động hàng trăm triệu euro từ các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân toàn cầu, thể hiện sức mạnh của mô hình xã hội hóa trong bảo tồn di sản. Việc phục hồi và bảo tồn nhà

thờ không chỉ tái tạo một biểu tượng văn hóa mà còn nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản.



Hình 13. Nhà thờ Đức Bà Paris trong quá trình sửa chữa.

Hy Lạp chú trọng đến việc bảo tồn lâu dài các giá trị lịch sử và văn hóa cổ đại thông qua các chương trình bảo tồn di tích lớn. Các dự án bảo vệ Acropolis và Parthenon tại Athens tại quốc gia này nhận được với sự phối hợp giữa chính phủ Hy Lạp và UNESCO. Dự án trùng tu Acropolis ở Athens được tổ chức YSMA (Ủy ban Bảo tồn Di sản Hy Lạp) điều phối từ năm 1975 đến nay, sử dụng kỹ thuật phục dựng nguyên bản kết hợp công nghệ số, tạo nền tảng cho mô hình bảo tồn toàn diện di tích cổ. Hành động này không chỉ tập trung vào việc phục hồi các cấu trúc bị hư hại mà còn bảo vệ cảnh quan văn hóa xung quanh, đảm bảo rằng các giá trị lịch sử được duy trì trong bối cảnh hiện đại.



Hình 14. Dự án khôi phục đền Parthenon và các công trình khác trên di sản thế giới Acropolis.

Những chiến lược trên cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận quản lý di sản văn hóa của các quốc gia phương Tây, nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế, và cộng đồng. Những cách tiếp cận này đảm bảo di sản không chỉ được bảo tồn như những dấu ấn của quá khứ mà còn là tài sản văn hóa, kinh tế và tinh thần cho thế hệ mai sau.

3.2. Một số chính sách quản lý cụ thể

Các nước Châu Âu nói chung, điển hình là Ý, Pháp và Hy Lạp đã phát triển những chính sách quản lý di sản văn hóa đặc thù, phản ánh sự kết hợp giữa bảo tồn các giá trị lịch sử và văn hóa với việc thúc đẩy giáo dục cộng đồng và phát triển du lịch bền vững. Những chính sách này không chỉ tập trung vào việc bảo vệ các di sản vật thể mà còn chú trọng đến giá trị phi vật thể, đồng thời khai thác sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để duy trì và phát huy di sản. Qua đó, các quốc gia này đã xây dựng được các mô hình quản lý vừa đảm bảo hiệu quả bảo tồn, vừa tạo động lực phát triển kinh tế và văn hóa.

Ý triển khai các chính sách bảo vệ di sản lịch sử thông qua các dự án phục hồi và bảo tồn được hỗ trợ bởi các quỹ quốc tế. Phục hồi Pompeii tại Ý là một dự án rất được quan tâm khi nhận được sự hỗ trợ từ UNESCO và các tổ chức quốc tế. Dự án “Great Pompeii Project” (2014–2023), được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khu vực của Liên minh Châu Âu (ERDF). Dự án không chỉ trùng tu hiện trường khảo cổ Pompeii mà còn xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa, cải thiện hệ thống thoát nước, giám sát hiện trạng công trình bằng cảm biến. Qua đó có thể thấy, chính sách quản lý tại quốc gia này không chỉ tập trung vào việc khôi phục các cấu trúc bị hư hại mà còn hướng đến việc bảo tồn lâu dài, duy trì giá trị lịch sử và thúc đẩy du lịch văn hóa tại khu vực.

Pháp là quốc gia thực hiện các chính sách bảo vệ di sản lịch sử kết hợp với chương trình du lịch giáo dục, nhằm truyền cảm hứng cho du khách hiểu sâu hơn về di sản. Các tour giáo dục tại các di sản như Nhà thờ Đức Bà Paris hay Lâu đài Chambord không chỉ giới thiệu lịch sử và giá trị văn hóa mà còn kêu gọi sự ủng hộ cho các chương trình bảo tồn. Mô hình này giúp tăng cường nhận thức bảo tồn từ cộng đồng và tạo nguồn thu hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động duy tu bảo trì.

Hy Lạp đặc biệt chú trọng đến việc bảo vệ di sản kết hợp với bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể như nghệ thuật biểu diễn và lễ hội truyền thống. Quốc gia này thực thi Luật Di sản Quốc gia sửa đổi năm 2002 và 2014, trong đó quy định chặt chẽ các hoạt động trùng tu, nghiên cứu và khai thác di sản. Các hoạt động bảo tồn như tại Parthenon được thực hiện song song với các lễ hội tái hiện văn hóa cổ đại, nhằm khôi phục không gian di sản “sống” gắn với cộng đồng địa phương. Tại Acropolis, các chương trình bảo tồn không chỉ tập trung vào cấu trúc vật thể mà còn tổ chức và phát huy giá trị của các lễ hội truyền thống gắn liền với lịch sử Hy Lạp cổ đại. Những hoạt động này không chỉ bảo tồn văn hóa mà còn thu hút du khách quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh của Hy Lạp như một trung tâm văn minh cổ đại.

Những chính sách trên cho thấy cách tiếp cận toàn diện trong việc bảo tồn di sản văn hóa của các quốc gia phương Tây. Bằng việc kết hợp giữa bảo tồn vật thể, phát huy giá trị phi vật thể, và sự hỗ trợ quốc tế, các quốc gia này đã xây dựng được các chiến lược quản lý vừa hiệu quả vừa bền vững.

4. Kết luận

Các quốc gia Châu Á và Châu Âu trong đó tiêu biểu là Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Pháp và Hy Lạp đã triển khai nhiều phương pháp và chiến lược quản lý DSVH khác nhau, nhưng đều hướng tới mục tiêu bảo tồn lâu dài và phát triển bền vững.

Ở phương Châu Á, Nhật Bản là điển hình trong việc kết hợp giữa bảo tồn và phát triển bền vững. Quốc gia này chú trọng sự tham gia của cộng đồng trong quản lý di sản, đồng thời áp dụng quy hoạch đô thị nghiêm ngặt để duy trì không gian văn hóa và kiến trúc truyền thống. Trung Quốc lại nổi bật với việc ứng dụng công nghệ hiện đại như số hóa di tích và kiểm soát lượng du khách, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực từ du lịch quá tải. Trong khi đó, Ấn Độ kết hợp bảo tồn với du lịch cộng đồng, nhấn mạnh vai trò của người dân địa phương trong việc bảo vệ di sản, đồng thời tạo nguồn lợi kinh tế từ các hoạt động du lịch sinh thái.

Ở Châu Âu, các nước Ý, Pháp và Hy Lạp cũng phát triển những chiến lược quản lý di sản đặc thù, dựa trên lịch sử lâu đời và sự phối hợp chặt chẽ giữa bảo tồn và phát triển du lịch. Tại Ý, các dự án bảo tồn được thực hiện thông qua sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế và cộng đồng địa phương, tạo nên mô hình quản lý hiệu quả. Pháp tập trung vào giáo dục cộng đồng và khách du lịch, đồng thời triển khai các chiến dịch bảo tồn lớn như phục hồi Nhà thờ Notre-Dame sau hỏa hoạn. Hy Lạp nhấn mạnh việc bảo vệ các giá trị văn hóa và cảnh quan lịch sử thông qua các chương trình bảo tồn phối hợp với UNESCO.

Các nghiên cứu đối với sáu quốc gia nêu trên đã giúp chúng ta học hỏi và áp dụng nhiều bài học giá trị trong quản lý DSVH tại các điểm du lịch tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch bền vững là yếu tố then chốt, cần sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương, ứng dụng công nghệ hiện đại, và sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế. Những giải pháp này không chỉ bảo vệ các giá trị di sản mà còn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hóa, góp phần nâng cao hình ảnh của Quảng Ninh và Việt Nam trên bản đồ di sản thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Châu (2022). *Bảo tồn và phát triển lễ hội truyền thống Nhật Bản*. HNUE Journal of Science, 67(1).
- [2]. Trần Thị Thu Hà (2020). *Từ một số kinh nghiệm của Nhật Bản nghĩ về quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thống.
- [3]. Hoàng Hường (2009). *Di sản đô thị: Xung đột giữa phát triển và bảo tồn*. Tạp chí Ashui.
- [4]. Mai Linh (2019). *Vạn Lý Trường Thành sẽ giới hạn lượng du khách tham quan*. Đài Truyền hình Việt Nam. <https://vtv.vn/doi-song/van-ly-truong-thanh-se-gioi-han-luong-du-khach-tham-quan-20190531221531031.htm>. Truy cập: 02/03/2025.
- [5]. Anh Minh (2024). *Cách Trung Quốc kiểm soát quá tải khách*. VnExpress. <https://vnexpress.net/cach-trung-quoc-kiem-soat-qua-tai-khach-4805592.html>. Truy cập: 02/12/2024.

- [6]. Jeffrey Bartholet (2011). *How to save the Taj Mahal*. Smithsonian. <https://www.smithsonianmag.com>. Truy cập: 03/03/2025.
- [7]. UNESCO World Heritage Centre (2024). *Kyoto Historic Monuments*. <https://www.unesco.emb-japan.go.jp/htm/worldheritage.japan.htm>. Truy cập: 06/04/2025.
- [8]. UNESCO World Heritage Centre (2022). *Acropolis, Athens*. UNESCO. Truy cập từ: <https://whc.unesco.org/en/list/404/>, ngày truy cập: 14/4/2025.
- [9]. Friends of Notre-Dame de Paris (2021). *Rebuild Notre-Dame de Paris – Restoration Project Overview*. Truy cập từ: <https://www.friendsofnotredamedeparis.org/>, ngày truy cập: 14/4/2025.
- [10]. Tod's Group (2020). *Colosseum Restoration Project: Public-Private Partnership*. Truy cập từ: <https://www.todsgroup.com/en/sustainability/colosseum>, ngày truy cập: 14/4/2025.
- [11]. European Commission (2023). *Pompeii restored thanks to a €78 million investment in cohesion policy funds*. Truy cập từ: https://ec.europa.eu/regional_policy/newsroom/detail.cfm?id=1055, ngày truy cập: 14/4/2025.
- [12]. YSMA – Acropolis Restoration Service (2021). *Progress of the Acropolis Restoration Works*. Bộ Văn hóa và Thể thao Hy Lạp. Truy cập từ: <https://ysma.gr/en/news>, ngày truy cập: 14/4/2025.
- [13]. Château de Chambord (2023). *Programmes pédagogiques et visites scolaires*. Truy cập từ: <https://www.chambord.org/fr/programmes-education/>, ngày truy cập: 14/4/2025.